Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0101.30.90

Mã HS	0101.30.90
Mô tả hàng hóa	Ngựa, lừa, la sống / - Lừa: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/con
Thời điểm tạo	02/11/2026 17:54:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/01013090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K26
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N26
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q26
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E16
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E19
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F19

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G19
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H19
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I19
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J19
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H16
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F19
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G19
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H19
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I19
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J19
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K19
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17
VCFTA	2022	2022	0	VC!D18
VCFTA	2023	2023	0	VC!E18

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D19
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E19
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F19
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G19
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H19
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I19
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D16
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E16
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F16
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G16
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H16
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I16
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17
RCEP B	2022	2022	0	B!D17
RCEP B	2023	2023	0	B!E17
RCEP B	2024	2024	0	B!F17
RCEP B	2025	2025	0	B!G17
RCEP B	2026	2026	0	B!H17
RCEP B	2027	2027	0	B!I17
RCEP C	2022	2022	0	C!D17
RCEP C	2023	2023	0	C!E17
RCEP C	2024	2024	0	C!F17
RCEP C	2025	2025	0	C!G17
RCEP C	2026	2026	0	C!H17

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17
RCEP D	2022	2022	0	D!D17
RCEP D	2023	2023	0	D!E17
RCEP D	2024	2024	0	D!F17
RCEP D	2025	2025	0	D!G17
RCEP D	2026	2026	0	D!H17
RCEP D	2027	2027	0	D!I17
RCEP E	2022	2022	0	E!D17
RCEP E	2023	2023	0	E!E17
RCEP E	2024	2024	0	E!F17
RCEP E	2025	2025	0	E!G17
RCEP E	2026	2026	0	E!H17
RCEP E	2027	2027	0	E!I17
RCEP F	2022	2022	0	F!D17
RCEP F	2023	2023	0	F!E17
RCEP F	2024	2024	0	F!F17
RCEP F	2025	2025	0	F!G17
RCEP F	2026	2026	0	F!H17
RCEP F	2027	2027	0	F!I17
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F15
VIFTA	2025	2025	4	VI!G15
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H15
VIFTA	2027	2027	3	VI!I15

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0101.30 có 2 dòng thuế; dòng 0101.30.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	0101.30.10 Loại thuần chủng để nhân giống	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0101.30.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 0101.30.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N26), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.